

NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA CƠ SỞ**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH**

Châu Thành, tháng 02 năm 2023

**NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA CƠ SỞ**  
**NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH**

**NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH**  
**MST: 8449778350-001**  
**Đa Hòa - Phước Hải - Châu Thành - Trà Vinh**  
**ĐT: (0294) 3900022 - 0354 621 488**

*Nguyễn Văn Hòa*

**Châu Thành, tháng 02 năm 2023.**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	3
DANH MỤC BẢNG .....	4
DANH MỤC HÌNH .....	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở .....	6
1.2. Tên cơ sở .....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở .....	8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng .....	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước .....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở.....	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	13
3.1.3. Xử lý nước thải .....	13
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	14
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	15
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt.....	15

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường .....	15
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	15
<b>Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>17</b>
<b>Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>19</b>
5.1. Thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở .....	19
5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở .....	19
5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn .....	20
<b>Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....</b>	<b>21</b>
6.1. Chương trình quan trắc chất thải.....	21
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	21
<b>Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>22</b>
<b>Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>23</b>
<b>PHỤ LỤC KÈM THEO .....</b>	<b>24</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>BTNMT</b>	Bộ Tài nguyên và Môi trường
<b>BVMT</b>	Bảo vệ môi trường
<b>CP</b>	Chính phủ
<b>CTNH</b>	Chất thải nguy hại
<b>CTR</b>	Chất thải rắn
<b>CTRSH</b>	Chất thải rắn sinh hoạt
<b>CTRCNTT</b>	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
<b>ND</b>	Nghị định
<b>QCVN</b>	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
<b>QĐ</b>	Quyết định
<b>TT</b>	Thông tư
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân

**DANH MỤC BẢNG**

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1 Sản phẩm của cơ sở .....	8
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu, hàng hóa nhập về tại cơ sở .....	8
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở.....	9
Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH .....	15
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép.....	17
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép .....	18
Bảng 5.1. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở .....	19
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở.....	19
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....	20
Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở.....	21

## DANH MỤC HÌNH

	<b>Trang</b>
Hình 1.1. Ảnh vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	6
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở.....	7
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở.....	13
Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	14

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Nhà máy tôn Châu Thành
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Văn Nhiên, Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh.
- Điện thoại: 0354 621 480.
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 58C8005271 do Phòng Tài chính Kế hoạch - UBND huyện Châu Thành cấp đăng ký lần đầu ngày 08/8/2022.

### 1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Nhà máy sản xuất tôn Châu Thành**
- Địa điểm cơ sở: Ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, cơ sở thực hiện trên tổng diện tích 615,2 m<sup>2</sup> (thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11). Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
  - + Phía Đông Bắc: Quốc lộ 53;
  - + Phía Đông Nam: giáp đất trống;
  - + Phía Tây Bắc: giáp nhà dân;
  - + Phía Tây Nam: giáp đất trống.



Hình 1.1. Ảnh vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh



- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- + Căn cứ theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14<sup>1</sup>; tổng vốn đầu tư là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng): thuộc **NHÓM C**.
- + Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP<sup>2</sup>, ngày 10/01/2022 của Chính phủ: thuộc **NHÓM III**.
- + Căn cứ khoản 1, Điều 39 và khoản 4, Điều 41 của Luật BVMT số 72/2020/QH14<sup>3</sup> thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng TN&MT huyện Châu Thành thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp phép.

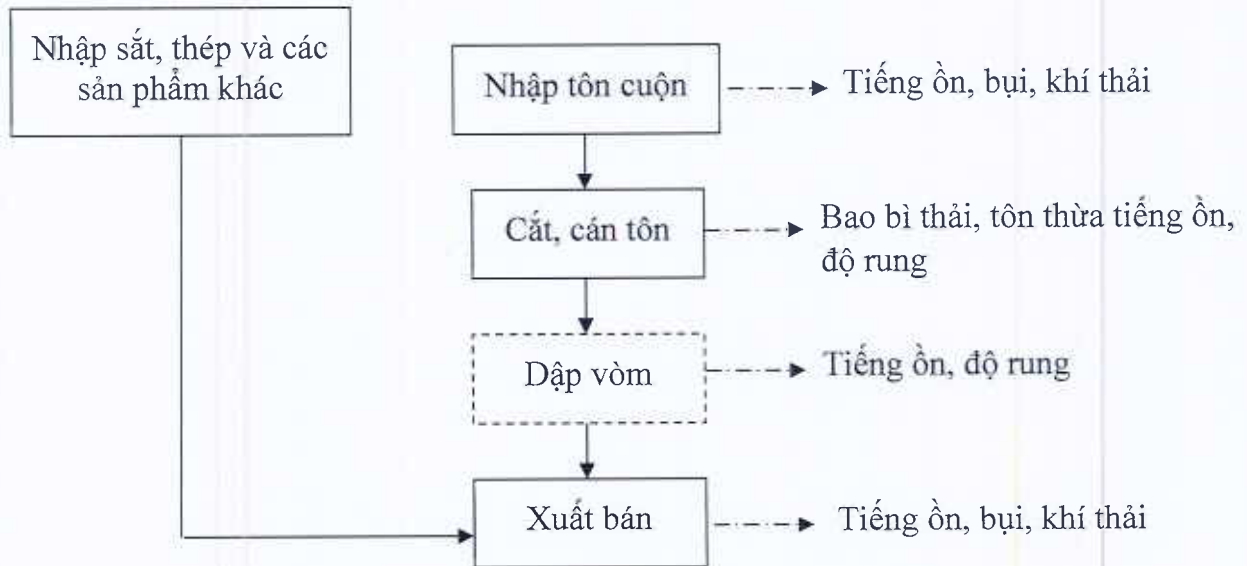
### 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

#### 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở thực hiện gia công sản phẩm tôn và phân phối các sản phẩm tôn, sắt, thép hộp và các sản phẩm lắp đặt khác trong xây dựng với công suất trung bình khoảng 10,5 tấn sản phẩm/tháng.

#### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình của cơ sở là phân phối các mặt hàng tôn, sắt, thép hộp và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong đó tôn nhập về được định hình (cắt, cán, dập vòm) theo yêu cầu của khách hàng. Do đó, công nghệ sản xuất là quy trình hoạt động của cơ sở. Sơ đồ quy trình hoạt động tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở

<sup>1</sup> Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.

<sup>2</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

<sup>3</sup> Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

### ❖ Thuyết minh quy trình:

Cơ sở nhập tôn (dạng cuộn), sắt, thép hộp và các sản phẩm khác từ các tỉnh Bình Dương, Long An. Đối với sắt, thép hộp và các sản phẩm khác, cơ sở nhập về và bán lại. Đối với tôn cuộn sẽ được đưa qua máy cán tôn với công suất là 3,7 kW, vận tốc cán tôn, dập vòm từ 3 - 5 m/phút để định hình sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng (khổ ngang mặc định là 1,2 m). Khi xuất bán, các hàng hóa có khối lượng lớn sẽ được đưa lên xe vận chuyển bằng cầu trục có tải trọng 5 tấn được bố trí tại cơ sở và được phân phối đến các hộ dân, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện.

#### 1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là khối lượng hàng hóa bán ra trong quá trình hoạt động, với tổng khối lượng ước tính khoảng 10,5 tấn/tháng, tương đương khoảng 126 tấn/năm.

Bảng 1.1 Sản phẩm của cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/tháng)	Khối lượng (tấn/năm)	Thị trường tiêu thụ
1	Tôn sau định hình (cắt, cán, dập vòm)	4,0	48,0	Địa bàn huyện Châu Thành
2	Sắt, thép hộp	6,0	72,0	
3	Các sản phẩm khác trong xây dựng (bồn nước, lưới B40, tấm xốp cách nhiệt ...)	0,5	6,0	
<b>Tổng cộng (1 + 2 + 3)</b>		<b>10,5</b>	<b>126,0</b>	

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

#### 1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

##### 1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở là khối lượng tôn cuộn, sắt, thép hộp và các loại hàng hóa khác, tùy theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường mà khối lượng nguyên liệu, hàng hóa sẽ thay đổi. Ước tính nhu cầu nguyên liệu, hàng hóa nhập về tại cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu, hàng hóa nhập về tại cơ sở

Stt	Nhu cầu nguyên liệu, hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Tôn cuộn (khổ 1,2m)	Tấn/năm	52,0	Tỉnh Bình Dương, Long An
2	Sắt, thép hộp		78,0	
3	Các sản phẩm khác trong xây dựng (thùng nước, lưới B40,...)		6,5	
<b>Tổng cộng (1 + 2 + 3)</b>		<b>Tấn/năm</b>	<b>136,5</b>	

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

**1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng**

- Nguồn cung cấp điện năng: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở khoảng 300 kWh/tháng, phục vụ cho các hoạt động như vận hành các thiết bị, máy móc, chiếu sáng và các hoạt động văn phòng. Tại cơ sở không có trang bị máy phát điện dự phòng.

**1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước**

- Nguồn cung cấp nước: được lấy từ trạm cấp nước của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Trà Vinh.

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: dựa theo hóa đơn tiền nước tại cơ sở trong 03 tháng gần nhất (từ tháng 10/2022 – tháng 12/2022) thì khối lượng nước tiêu thụ tại cơ sở khoảng 0,35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tương đương khoảng 10,5 m<sup>3</sup>/tháng. Tại cơ sở không phát sinh nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất, nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở chỉ phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của 03 lao động và mục đích tưới cây, sân đường.

**1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở****1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Cơ sở thực hiện trên tổng diện tích là 615,2 m<sup>2</sup> với các hạng mục công trình được bố trí như sau:

*Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở*

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>	<b>291,36</b>	<b>47,36</b>
1	Khu vực văn phòng + tiếp khách	28,80	4,68
2	Khu vực chứa các sản phẩm khác	32,64	5,31
3	Khu vực chứa tôn cuộn, máy cán tôn và máy cầu	96,00	15,60
4	Khu vực chứa sắt hộp	96,00	15,60
5	Khu vực phòng ngủ	14,88	2,42
6	Khu vực bếp	23,04	3,75
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ</b>	<b>314,52</b>	<b>51,12</b>
1	Đường đi nội bộ + hành lang	119,62	19,44
2	Khu vực sân sau	194,9	31,68
3	Hệ thống cấp nước	-	-

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
4	Hệ thống cấp điện	-	-
<b>III</b>	<b>Hạng mục công trình BVMT</b>	<b>9,32</b>	<b>1,51</b>
1	Nhà vệ sinh + hầm tự hoại	4,32	0,70
2	Khu vực chứa CTCNTT	4,00	0,65
3	Khu vực chứa CTNH	1,00	0,16
<b>Tổng cộng</b>		<b>615,20</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

### 1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.
- Thời gian hoạt động của cơ sở: từ 7h00 – 17h00 cùng ngày.
- Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở: 03 lao động, bao gồm: chủ cơ sở, kế toán – bán hàng, công nhân giao hàng.

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Nhà máy sản xuất tôn Châu Thành” của Nhà máy tôn Châu Thành đi vào hoạt động là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

- Cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp phụ trợ cho các công trình, cơ sở lớn trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, phù hợp theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg, ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 14/2020/NQ-UBND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Ngoài ra, cơ sở hoạt động còn góp phần làm đa dạng nguồn cung ứng các vật liệu trong xây dựng, phù hợp theo định hướng phát triển ngành thương mại - dịch vụ trong nước theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Về quy hoạch sử dụng đất: cơ sở thực hiện trên tổng diện tích 615,2 m<sup>2</sup> (thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11), tại ấp Đa Hòa, xã Phước Hào, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Đây là đất được chủ cơ sở thuê, cơ sở hạ tầng đã được xây dựng trên nền đất cây lâu năm. Đến tháng 5/2023, chủ sở hữu đất cam kết sẽ chuyển đổi toàn bộ diện tích đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng sang đất ở để phù hợp với mục đích sử dụng đất hiện tại (*hợp đồng thuê đất và tờ cam kết đính kèm phần phụ lục*). Vì vậy, việc thực hiện của cơ sở là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

#### 2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của cơ sở, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, bụi và khí thải: phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở. Nồng độ ô nhiễm của nguồn tác động này là không lớn nên hầu như không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường không khí tại khu vực.

- Nước thải: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên với tổng lượng phát sinh khoảng 0,28 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn và tự thấm vào môi trường đất tại khu vực, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn trong hầm tự hoại. Chủ cơ sở cam kết sau khi hệ thống hạ tầng giao thông tại địa phương được đầu tư xây dựng cống thu gom, thoát nước chung thì chủ cơ sở sẽ liên hệ đầu nối lượng nước thải sau xử lý tại cơ sở vào cống thu gom và thoát nước chung của khu vực.

- Đối với chất thải rắn: toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh.

Vi vậy, cơ sở đi vào hoạt động là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tại địa phương và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tại khu vực thực hiện cơ sở.

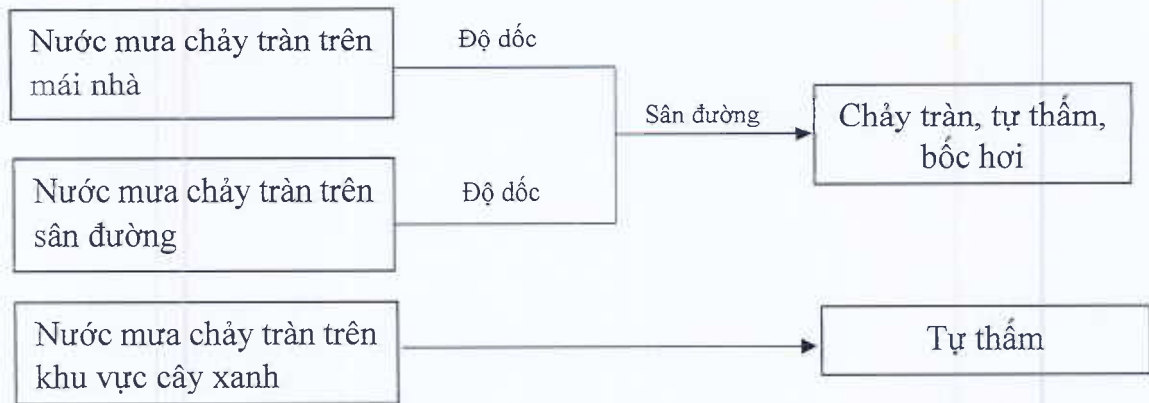
### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà theo độ dốc chảy xuống sân đường, kết hợp với nước mưa chảy tràn trên sân đường theo độ dốc chảy tràn, tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực cây xanh thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm và bốc hơi.

#### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

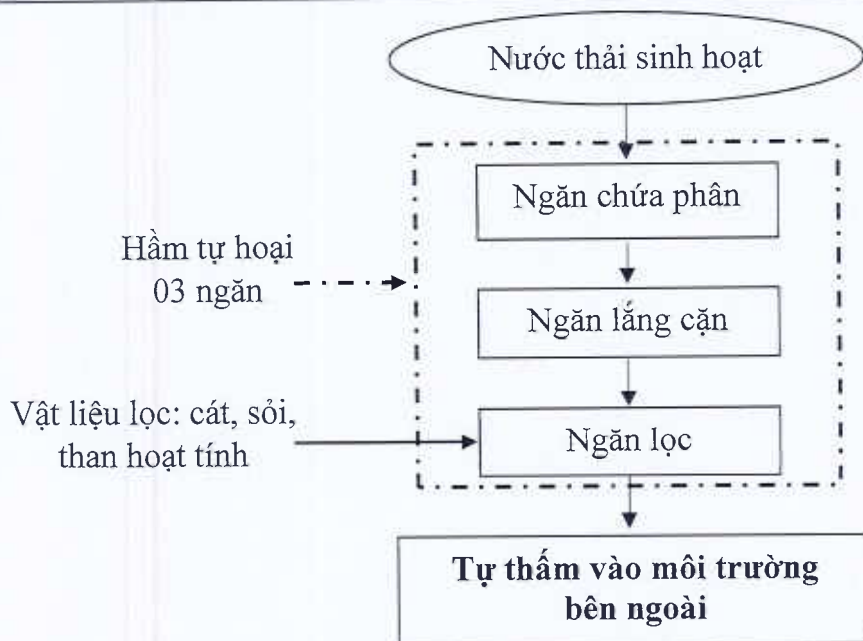
- Công trình thu gom nước thải: Nhà vệ sinh, diện tích xây dựng khoảng 4,32 m<sup>2</sup>, kết cấu tường bao, nền lát gạch.

- Công trình thoát nước thải: nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại sẽ thoát ra ngoài theo hình thức tự thấm.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: nước thải phát sinh tại cơ sở được lưu chứa trong hầm tự hoại và tự thấm vào môi trường, vị trí hầm tự hoại: X(m): 1093789, Y(m): 597514 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30, múi chiếu 3<sup>0</sup>), tại ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

#### 3.1.3. Xử lý nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 0,28 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80 % lượng nước cấp sinh hoạt) sẽ được thu gom và đưa về công trình xử lý nước thải bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

**\* Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh, sau đó được dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Hầm tự hoại được xây dựng bằng bê tông, có 03 chức năng lắng cặn, phân hủy cặn và lọc nước. Quá trình xử lý trong hầm tự hoại chủ yếu là quá trình phân hủy kỵ khí. Trong hầm tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình phân hủy kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Cấu tạo bên trong của hầm tự hoại gồm có 03 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng, ngăn lọc.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở rất ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại, trường hợp nước thải trong hầm tự hoại đầy sẽ thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

### 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở. Một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tác động đến môi trường xung quanh được áp dụng như sau:

- Tưới ướt sân đường bên ngoài vào những ngày nắng nóng nhằm hạn chế tác động của bụi phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở;
- Bố trí khu vực đậu xe, sắp xếp thời gian giao hàng hợp lý tránh tình trạng tập trung nhiều xe giao hàng cùng một thời điểm;
- Xe vận chuyển hàng hóa chuyên chở không vượt quá tải trọng quy định và phải được kiểm định định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo xe vận chuyển hoạt động trong tình trạng tốt;



- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh cơ sở, bố trí khu vực chứa ngăn nắp, tiện lợi cho công tác nhập xuất, hàng hóa;

### 3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh tại cơ sở khoảng 1,2 kg/ngày, tương đương khoảng 36 kg/tháng; với thành phần phát sinh bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,...

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 01 thùng chứa CTRSH để thu gom và lưu chứa CTRSH hàng ngày, loại 40 lít, chất liệu bằng nhựa PP. Thùng chứa CTRSH được bố trí bên trong cơ sở, khi đến giờ thu gom rác tại địa phương sẽ có nhân viên đem ra để ở khu vực phía trước cơ sở (giáp với quốc lộ 53) để đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đơn vị thu gom và xử lý: Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh, thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

#### 3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTCRNTT phát sinh chủ yếu là lõi tôn cuộn; tôn, sắt, thép dư thừa với khối lượng phát sinh khoảng 45 kg/tháng, tương đương khoảng 540 kg/năm.

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTCRNTT: CTCRNTT phát sinh tại cơ sở chủ yếu là những loại có thể tái chế, chủ cơ sở bố trí khu vực chứa với diện tích khoảng 4,0 m<sup>2</sup>, có kết cấu nền lát gạch, mái che để thu gom và lưu giữ CTCRNTT phát sinh tại cơ sở, định kỳ bán lại các cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

### 3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTNH phát sinh tại cơ sở có khối lượng khoảng 4,0 kg/năm; với thành phần bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau dính dầu nhớt.

Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,0
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	1,0
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	2,0
<b>Tổng cộng (1 + 2 + 3)</b>				<b>4,0</b>

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:
  - + Thu gom, lưu giữ CTNH trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu vực chứa CTNH. Khu vực chứa CTNH có diện tích khoảng 1,0 m<sup>2</sup>, nền bê tông, có mái che, tường bao.
  - + Bố trí 03 thùng chứa CTNH, bằng nhựa PP, có nắp đậy, 02 thùng loại 120 lít (chứa bóng đèn huỳnh quang thải và hộp mực in thải) và 01 thùng 60 lít (chứa giẻ lau dính dầu nhớt), được dán nhãn để phân loại CTNH.
  - + Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa, khi đủ khối lượng chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022.

### 3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện vận chuyển hàng hóa và quá trình hoạt động của các thiết bị, máy móc. Một số biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Xung quanh cơ sở có vách tường bao quanh nên hạn chế được ảnh hưởng của tiếng ồn đến nhà dân sinh sống xung quanh khu vực;
- Các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí khu vực để xe hợp lý cho xe máy của khách hàng, công nhân viên, xe vận chuyển hàng hóa;
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động luôn ở trong tình trạng tốt nhất.

### 3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

#### 3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tập huấn cho nhân viên về quy trình làm việc, an toàn lao động nhất là đối với nhân viên vận hành các máy móc, thiết bị tại cơ sở;
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì các thiết bị theo đúng quy định, đảm bảo các các trang thiết bị, máy móc luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

#### 3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ số lượng thiết bị PCCC cơ bản tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ;
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Phối hợp thường xuyên với lực lượng PCCC để tham gia các lớp tập huấn về PCCC và yêu cầu công nhân viên tuân thủ các quy định về PCCC;

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên.
- Lưu lượng xả thải tối đa: 0,28 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

*Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép*

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

*(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)*

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
  - + Vị trí xả nước thải: tại ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tọa độ: X(m) = 1093789, Y(m) = 597514 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30, múi chiều 3<sup>0</sup>).
  - + Phương thức xả nước thải: theo hình thức tự thấm.
  - + Nguồn tiếp nhận: môi trường đất tại khu vực.

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ các phương tiện giao thông ra vào và hoạt động của thiết bị, máy móc tại cơ sở.
- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặt biệt	dBA	55	45
2	Khu vực thông thường	dBA	70	55

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 5.1. Thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động, cơ sở chưa thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, vì vậy chủ cơ sở đã kết hợp với đơn vị kiểm nghiệm là Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (Vimcerts 064) tiến hành lấy mẫu và phân tích để đánh giá kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở

Stt	Thành phần môi trường	Đơn vị tính	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Hệ tọa độ VN2000	
						X(m)	Y(m)
1	Môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	Mẫu	01	KK1	Khu vực máy cán tôn	1093780	597523
2	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	Mẫu	01	KK2	Khu vực trước cổng cơ sở, giáp với QL 53	1093791	597530

(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)

#### 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT <sup>4</sup>
1	Tiếng ồn	dBA	66,6	85 (*)
2	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	0,241	8,0 (**)
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,067	5,0
4	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,062	5,0
5	CO	mg/m <sup>3</sup>	3,39	20

(Nguồn: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2023)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số (\*) so sánh theo QCVN 24:2016/BYT.

- Giá trị giới hạn của thông số (\*\*) so sánh theo QCVN 02:2019/BYT.

#### \* Nhận xét:

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

<sup>4</sup> QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

tiếng ồn-Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, thời gian tiếp xúc 8 giờ; QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, giới hạn tiếp xúc ca làm việc và QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

### 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT <sup>5</sup>
1	Tiếng ồn	dBA	72,1	70 (*)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m <sup>3</sup>	228	300
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	73	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	65	200
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	3.240	30.000

(Nguồn: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2023)

Ghi chú: Giá trị giới hạn của thông số (\*) so sánh theo QCVN 26:2010/BTNMT.

#### \* Nhận xét:

Qua kết từ bảng trên cho thấy, đa số các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Riêng thông số tiếng ồn do bị ảnh hưởng bởi hoạt động của các phương tiện giao thông trên Quốc lộ 53 nên kết quả đo đạc vượt 1,03 lần so với giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

→ Nhìn chung, các thông số quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở và môi trường không khí xung quanh đảm bảo theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 24:2016/BYT. Riêng thông số tiếng ồn ở phía trước cơ sở do ảnh hưởng từ hoạt động của các phương tiện qua lại trên quốc lộ nên có giá trị vượt giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

<sup>5</sup> QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

**Chương VI****CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****6.1. Chương trình quan trắc chất thải****6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ**

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và khoản 1, khoản 2 Điều 97 của Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ.

**6.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác**

Giám sát chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí: 01 mẫu tại khu vực phía trước cơ sở (KK);
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
  - + QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

**6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được chủ cơ sở trích từ kinh phí hoạt động của cơ sở.

Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm các thông số quan trắc môi trường của cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

*Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở*

Stt	Thông số quan trắc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	262.620	2	525.240
2	CO	533.241	2	1.066.482
3	SO <sub>2</sub>	895.978	2	1.791.956
4	NO <sub>2</sub>	440.948	2	881.896
5	Tiếng ồn trước cổng cơ sở	127.110	2	254.220
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.259.897</b>	<b>2</b>	<b>4.519.794</b>

*(Nguồn: Nhà máy tôn Châu Thành, 2023)*

## **Chương VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong năm 2022, tại cơ sở chưa có đoàn kiểm tra, thanh tra.



### **Chương VIII**

## **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhà máy Tôn Châu Thành xin cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

**PHỤ LỤC KÈM THEO**

---

**PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN**

**PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO**

**PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Số: 58C8005271

Đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 8 năm 2022

1. Tên hộ kinh doanh: **NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH**

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Ấp Đa Hoà, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943900022

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4663)

Chi tiết: Mua bán tôn, thép, vật liệu xây dựng

4. Vốn kinh doanh: 1.200.000.000 đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh

Họ và tên: NGUYỄN VĂN NHIÊN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước công dân.

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051091009154

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính

về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Đa Hoà, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

*Ghi chú: Hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp (lần đầu hoặc thay đổi) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu quá thời hạn trên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật thuế. (Trích từ thông tư số 45/2016/TT-BTC) ngày 28/06/2016 của Bộ Tài Chính)*



**TRƯƠNG PHONG**

Phạm Trường Sanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BẢN SAO**

**HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Chúng tôi gồm có:

**BÊN CHO THUÊ ( GỌI LÀ BÊN A):**

- Bà: **NGUYỄN THỊ BÉ SÁU** - Sinh năm: 1960.
- CCCD số: 084160008801 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: 65/1D Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Cùng chồng là Ông: **HUỶNH VIỆT ANH** - Sinh năm: 1958.
- CCCD số: 086058004600 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: 65/1D Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**BÊN THUÊ ( GỌI LÀ BÊN B):**

- Ông: **NGUYỄN VĂN NHIÊN** - Sinh năm: 1991.
- CCCD số: 051091009154 cấp ngày 27/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Hai bên đồng ý thực hiện việc cho thuê tài sản theo các thoả thuận sau đây:

**ĐIỀU 1**

**TÀI SẢN CHO THUÊ**

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 374783 số vào sổ cấp GCN: CS05387 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22/8/2019, cụ thể: diện tích 615,2 m<sup>2</sup>, loại đất: Đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đa Hòa, xã Phước Hào, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Trên thửa đất có 01 nhà xưởng được xây dựng cơ bản, tài sản trên chưa được các cơ quan có thẩm quyền cấp sở hữu theo quy định)

**ĐIỀU 2**

**THỜI HẠN THUÊ**

Thời hạn thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 10 (mười) năm kể từ ngày 01/8/2022 đến hết ngày 01/8/2032

**ĐIỀU 3**

**MỤC ĐÍCH THUÊ**

Mục đích thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Kinh doanh tôn, thép và vật liệu xây dựng (theo đúng quy định pháp luật)

**ĐIỀU 4**

**GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

1/. Giá thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này:

Từ ngày 01/8/2022 đến hết ngày 01/8/2027: Giá thuê tài sản là 7.000.000 đồng/tháng (bảy triệu đồng trên tháng). Giá thuê 05 năm tiếp theo tăng không quá 10% so với 05 năm đầu

2/. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A tiền thuê tài sản của đầu mỗi kỳ thanh toán 01 năm 01 lần vào ngày 01/8 dương lịch

*Nguyễn Văn Nhiên*

*Nguyễn Thị Bé Sáu*

3/. Việc giao nhận tài sản nêu tại khoản 1 Điều này và việc thanh toán tiền thuê tài sản do hai bên tự thỏa thuận.

#### ĐIỀU 5

#### NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1/. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao tài sản cho thuê nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm: 01/8/2022.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn tài sản, sử dụng tài sản đúng mục đích;
- Nộp thuế sử dụng đất;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với tài sản, nếu có;

2/. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng tài sản không đúng mục đích, huỷ hoại tài sản hoặc làm giảm sút giá trị của tài sản, nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả tài sản đang thuê và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu bên B trả lại tài sản, khi thời hạn cho thuê đã hết.

#### ĐIỀU 6

#### NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1/. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng tài sản: đúng mục đích, đúng thời hạn thuê đã thỏa thuận;
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của tài sản;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;
- Chi phí tiền điện, nước, internet.... và các loại thuế phí khác bên B phải có trách nhiệm nộp.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh; đảm bảo an toàn về phòng cháy và cháy nổ
- Khi có sự kiện pháp lý xảy ra trong thời hạn thuê tài sản, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật: Mọi tổn thất về người và tài sản xảy ra cho bên thứ ba, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết bồi thường theo đúng pháp luật hiện hành
- Không được cho bên thứ ba thuê lại tài sản nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Trả lại tài sản: sau khi hết thời hạn thuê;

2/. Bên B có các quyền sau đây:

- Được sử dụng tài sản, ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

#### ĐIỀU 7

#### VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ TÀI SẢN VÀ NỘP LỆ PHÍ

1/. Việc đăng ký cho thuê tài sản tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2/. Lệ phí liên quan đến việc thuê tài sản theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

#### ĐIỀU 8

#### CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

Chúng tôi cam kết tài sản trên không bị cơ quan thẩm quyền kê biên theo qui định, không bị tranh chấp. Nếu có sự kiện pháp lý xảy ra chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo qui định của pháp luật. Tài sản do hai bên tự kê khai, tài sản có thật

và hai bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tài sản trên chưa được giao dịch tại bất cứ tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào khác.

**1. Bên A cam đoan:**

- 1.1. Những thông tin về nhân thân, về tài sản, đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 1.2. Tài sản thuộc trường hợp được cho thuê theo quy định của pháp luật;
- 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
  - a) Tài sản không có tranh chấp;
  - b) Tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- 1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**2. Bên B cam đoan:**

- 2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- 2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**ĐIỀU 9**

**CÁC THỎA THUẬN KHÁC**

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

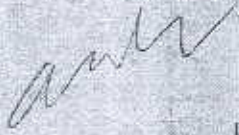

**ĐIỀU 10**



**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã đọc lại, đã được nghe công chứng viên giải thích và hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này và tự nguyện ký tên dưới đây.

**Bên cho thuê (bên A)**

**Bên thuê (bên B)**

  
Huỳnh Việt Anh  
  
Nguyễn Thị Bích Thảo

  
Nguyễn Văn Khoa  


## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, Ngày 01/8/2022 (Ngày một, tháng tám, năm hai ngàn không trăm hai mươi hai),  
Tại Văn Phòng Công Chứng CÔNG LÝ - TRÀ VINH, 02 Lê Thánh Tôn, phường 1,  
thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
Tôi: Phạm Trường Sang Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình  
theo quy định của pháp luật

### CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

**BÊN CHO THUÊ (GỌI LÀ BÊN A):**

- Bà: NGUYỄN THỊ BÉ SÁU - Sinh năm: 1960.
- CCCD số: 084160008801 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: 65/1D Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Cùng chồng là Ông: HUỖNH VIỆT ANH - Sinh năm: 1958.
- CCCD số: 086058004600 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: 65/1D Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**BÊN THUÊ (GỌI LÀ BÊN B):**

- Ông: NGUYỄN VĂN NHIÊN - Sinh năm: 1991.
  - CCCD số: 051091009154 cấp ngày 27/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
  - Địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- \* Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào hợp đồng này, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
  - Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
  - Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
  - Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang của hợp đồng này trước sự có mặt tôi, chữ ký trong hợp đồng đúng là chữ ký của các bên nêu trên;
  - Văn bản công chứng này được lập thành 03 (Ba) bản chính, mỗi bản chính gồm 04 tờ, 04 trang, có giá trị pháp lý như nhau; Người yêu cầu công chứng giữ 02 (hai) bản chính; 01 (một) bản chính lưu tại văn phòng Công chứng Công Lý-Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Số công chứng: 4895..., quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4895..., Quyền 05 SCT/BS

Phường 5, ngày 01 tháng 08 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Châu Huy Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN



Phạm Trường Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Hà: **NGUYỄN THỊ BÈ SÁU**

Năm sinh: 1960, CMND số: 331268889

Địa chỉ thường trú: 65/1D Trần Phú, phường 4, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải nộp lệ phí đăng ký quyền sử dụng đất và lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.



2 9 4 0 4 1 9 6 6 7 4 0 4

CS 374783

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: 11
- b) Địa chỉ: ấp Du Hòa xã Phước Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 615 m<sup>2</sup>, (chăng chừa. Sau trên mười lăm phẩy hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng trống
- e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- f) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 20/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Trồng cây lâu năm được Công nhận QSDĐ như giới đất không thu

**2. Nhà ở:**

- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Gai chừa:

Thửa đất có 177m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 53

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Trà Vinh, ngày 22/ tháng 12, năm 2019  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH**  
**TUO-GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**



*Nguyễn Minh Tâm*

Số vào sổ cấp GCN: CS05387

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận với cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## SẢN CAM KẾT

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Châu Thành

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2022, tôi, phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Châu Thành, Tôi tên là Nguyễn Thị Bé Sáu Sinh năm 1960, địa chỉ 65/140 Trần Phú, phường 4, Tp Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long. Hiện số thửa đất số 49, tờ bản đồ số 11 địa chỉ ấp Đa Hòa, xã Đa Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích 05,2 ha.

Hôm nay, Tôi cam kết thửa đất trên sẽ chuyển đổi đất trồng cây lâu năm lên đất thổ cư, hiện đã và đang làm thủ tục chuyển đổi.

Thời gian chuyển đổi tháng 5/2023 hoàn thành.  
Kính mong, phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện của địa phương chức tôn đất thổ cư. Tôi xin trân trọng tri ân!

Châu Thành, ngày 30/11/2022



Lâm Quốc Quân

**PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



## BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay, vào lúc..... ngày 04/ 01/ 2023, tại .....  
Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu: HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN VĂN NHIÊN

Tên dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH

Địa chỉ lấy mẫu: Ấp Đa Hòa, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế: .....ĐT.....Ngành nghề: .....

### I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Nguyễn Xuân Tiến

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Trần Thanh Tân

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Phụng

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

### II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) ..... Chức vụ: .....

### III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) ..... Chức vụ: .....

Ông (Bà) ..... Chức vụ: .....

### IV. Số biên bản thành lập: ..... bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

### V. Điều kiện lấy mẫu: .....

#### ❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Chất lượng không khí	KK1	Vị trí bên trong cơ sở - Khu vực máy cán tôn		Tiếng ồn, bụi toàn phần, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO	
02	Chất lượng không khí	KK2	Vị trí bên ngoài cơ sở - Phía trước cổng cơ sở		Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO	

Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

Đặng Chí Thủy Trang

Nguyễn Thị Hồng Cui

Nguyễn Phụng

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 043/01-23

Mã mẫu: 2301KK161-2301KK162 (015/01-23) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN VĂN NHIÊN  
**Tên dự án** : NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Ấp Đa Hoà, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 05/01/2023 **Ngày trả kết quả:** 12/01/2023  
**Thời gian lưu mẫu** : Không lưu  
**Loại mẫu** : Chất lượng không khí, tiếng ồn  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, nhà máy hoạt động bình thường  
**Ký hiệu / vị trí lấy mẫu** : KK1 khu vực máy cán tôn  
: KK2 khu vực trước công cơ sở, trên QL53

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KK1	KK2
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	66,6	72,1
2	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	0,241	-
3	Bụi (TSP)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	-	0,228
4	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	0,067	0,073
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	0,062	0,065
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	HD-TMBQK 01	3,39	3,24

*Ghi Chú: KPH: Không phát hiện*

*MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp*

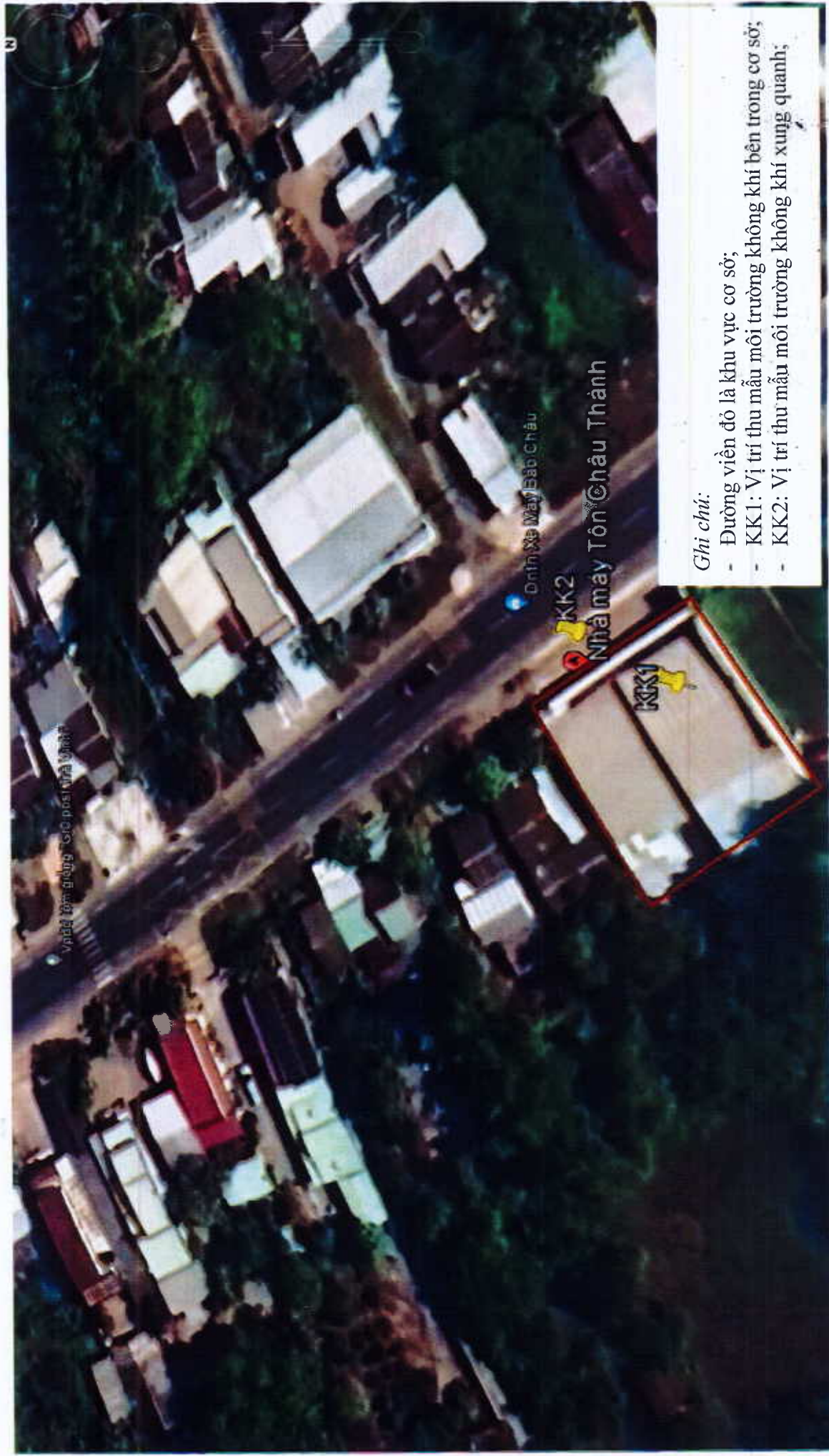
PHÒNG THÍ NGHIỆM  
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC  
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THU MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



### Ghi chú:

- Đường viền đỏ là khu vực cơ sở;
- KK1: Vị trí thu mẫu môi trường không khí bên trong cơ sở;
- KK2: Vị trí thu mẫu môi trường không khí xung quanh;



# GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERIS/064

## QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện/xiêm chính các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Chăm sửa chữa máy móc, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Chăm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Chăm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.



## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

### CHỨNG NHẬN

#### ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 064  
(Cấp lần 4)

#### Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Trụ sở chính: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 1061/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

#### Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Văn Tùng. Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 060073000063

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 15 tháng 5 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2024

## LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

### I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:  
- Nước mặt và lục địa: Lấy mẫu: 04 thông số  
- Nước thải: Lấy mẫu: 01 thông số  
- Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01 thông số  
- Nước mưa: Lấy mẫu: 01 thông số  
- Nước biển: Lấy mẫu: 01 thông số
2. Khí:  
- Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 26 thông số  
- Khí thải: Lấy mẫu: 01 thông số
3. Đất:  
- Lấy mẫu: 01 thông số
4. Trầm tích:  
- Lấy mẫu: 01 thông số
5. Bùn:  
- Lấy mẫu: 01 thông số
6. Chất thải rắn:  
- Lấy mẫu: 01 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số  
Đo tại hiện trường: 03 thông số  
Đo tại hiện trường: 06 thông số  
Đo tại hiện trường: 04 thông số  
Đo tại hiện trường: 07 thông số  
Đo tại hiện trường: 06 thông số  
Đo tại hiện trường: 06 thông số

### II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:  
- Nước mặt và lục địa: 28 thông số  
- Nước thải: 28 thông số  
- Nước dưới đất: 26 thông số  
- Nước mưa: 09 thông số  
- Nước biển: 04 thông số
2. Khí:  
- Không khí xung quanh: 07 thông số
3. Đất:  
- Lấy mẫu: 09 thông số
4. Trầm tích:  
- Lấy mẫu: 05 thông số
5. Bùn:  
- Lấy mẫu: 05 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1061/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

KI BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện  
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;



Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chứng nhận “Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 064/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 064) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(12).



### **PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO**

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT

- A : CHẤP THUẬN
- B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN
- C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH

HẠNG MỤC

CHỦ CƠ SỞ

NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH

**NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH**  
 MST: 8449778350-Đà Hòa - Phước Hòa - Châu Thành - Trà Vinh  
 ĐT: (0294) 3900022 - 0354.621.480

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm	
Triển khai	

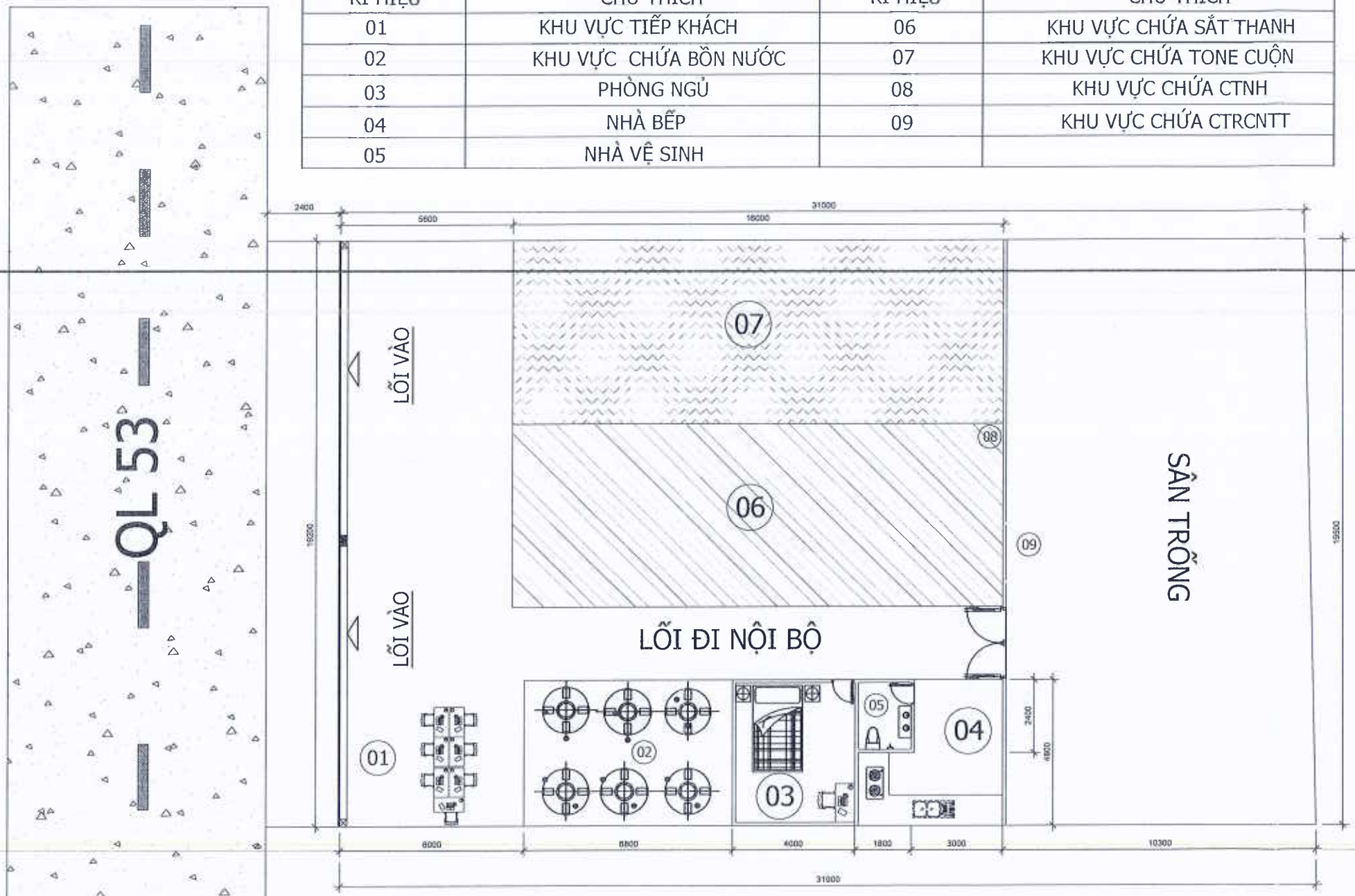
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

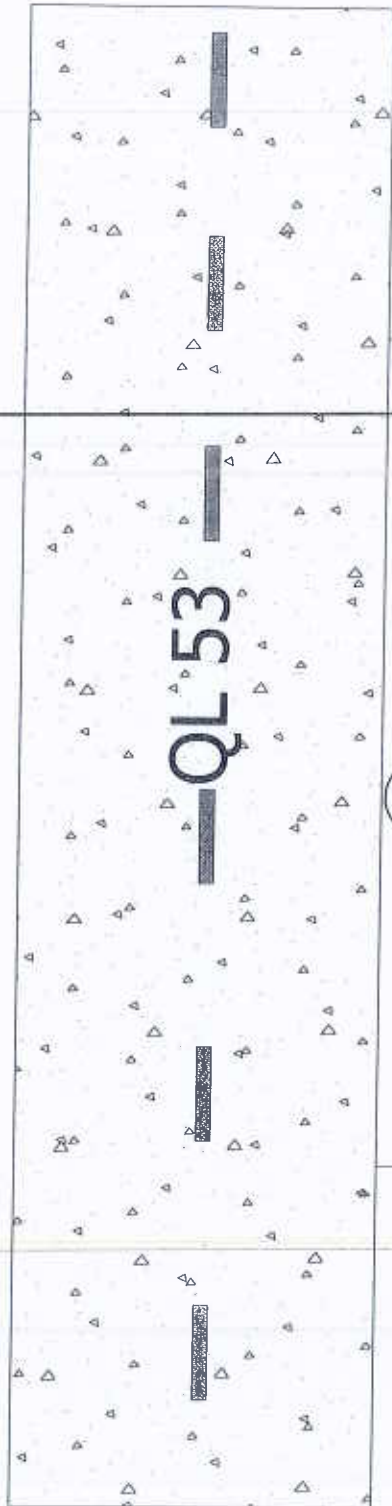
TỶ LỆ:	
NGÀY:...../...../2023	KÝ HIỆU BẢN VẼ:

LẦN PHÁT HÀNH:	
----------------	--

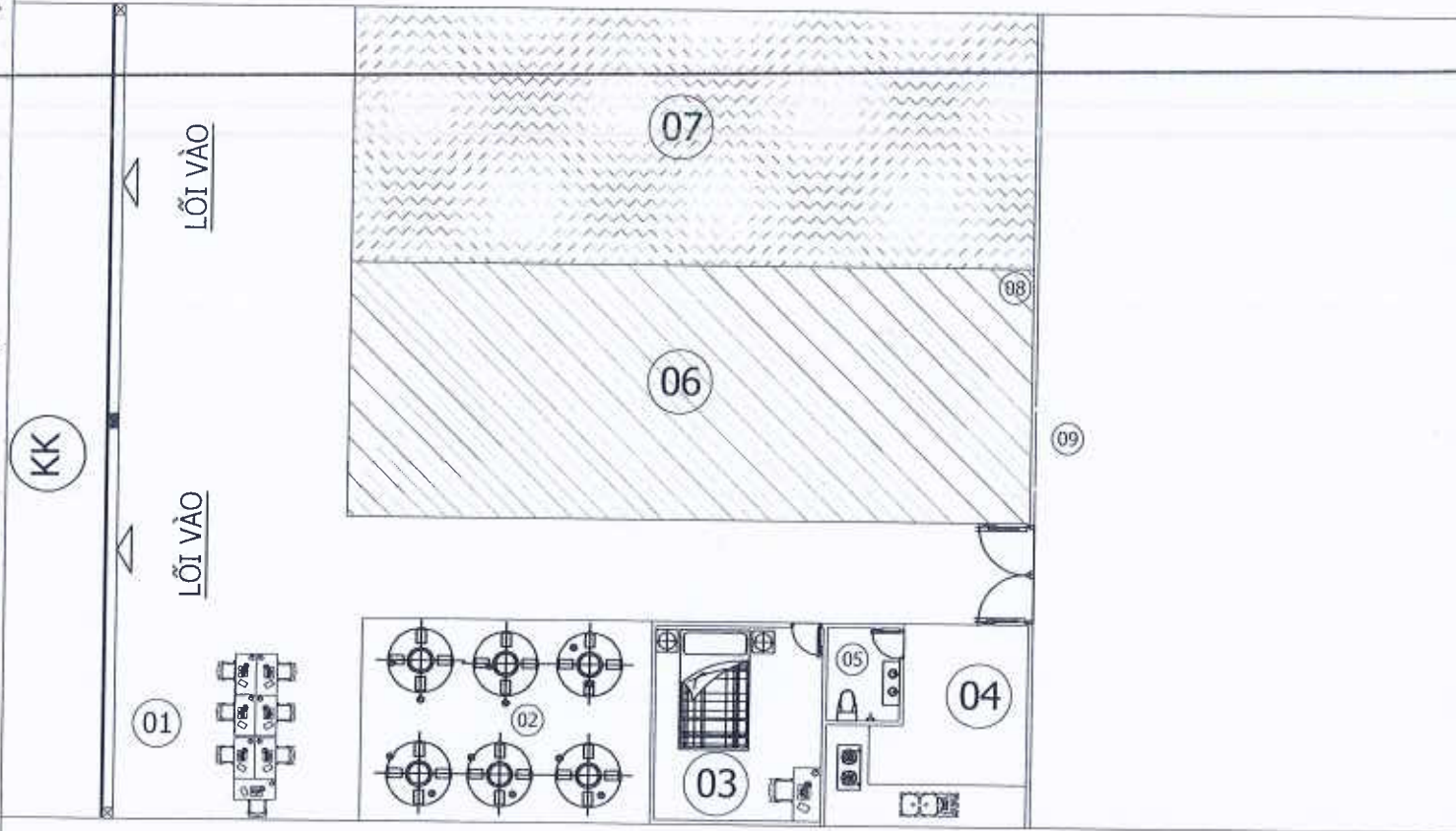
KÍ HIỆU	CHỦ THÍCH	KÍ HIỆU	CHỦ THÍCH
01	KHU VỰC TIẾP KHÁCH	06	KHU VỰC CHỨA SẮT THANH
02	KHU VỰC CHỨA BỒN NƯỚC	07	KHU VỰC CHỨA TONE CUỘN
03	PHÒNG NGỦ	08	KHU VỰC CHỨA CTNH
04	NHÀ BẾP	09	KHU VỰC CHỨA CTCNTT
05	NHÀ VỆ SINH		



# MẶT BẰNG TỔNG THỂ



KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH
01	KHU VỰC TIẾP KHÁCH	06	KHU VỰC CHỨA SẮT THANH
02	KHU VỰC CHỨA BỒN NƯỚC	07	KHU VỰC CHỨA TONE CUỘN
03	PHÒNG NGỦ	08	KHU VỰC CHỨA CTNH
04	NHÀ BẾP	09	KHU VỰC CHỨA CTRCNTT
05	NHÀ VỆ SINH		



## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Ghi chú: KK - Vị trí giám sát chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT  
 A : CHẤP THUẬN  
 B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN  
 C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU		
KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ  
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN CHÂU THÀNH

HANG MỤC

CHỦ CƠ SỞ

NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH  
**NHÀ MÁY TÔN CHÂU THÀNH**  
 MST : 844978350-001  
 Đa Hòa - Phước Hào - Châu Thành - Trà Vinh  
 ĐT : (0294) 390022 - 0354.621.480

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm	
Triển khai	

TÊN BẢN VẼ:  
 SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

TỶ LỆ:  
 NGÀY: ...../...../2023

LẦN PHÁT HÀNH	
---------------	--